

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN PHƯỚC
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/DSST

Ngày: 26/02/2025

V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trà Thị Thanh Thẩm;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Công Dung;

2. Ông Hồ Ngọc Tiên;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc "tranh chấp quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2024/QĐXX-DSST ngày 06/12/2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 03/QĐ-TA, ngày 26/12/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2025/QĐST-DS, ngày 20/2/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1949; có mặt

2. Bị đơn: Bà Phan Thị L, sinh năm 1953; có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn 04, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trương Thị T, sinh năm: 1977; địa chỉ: khu phố Tân Bình, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Bà Trương Thị H, sinh năm: 1981; địa chỉ: thôn Ngọc Tú, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- Bà Trương Thị D, sinh năm: 1985; địa chỉ: thôn 04, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Bà Trương Thị Gi, sinh năm: 1988; địa chỉ: thôn 04, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Bà T, bà H, bà D, bà Gi đã uỷ quyền cho bà L tham gia tố tụng.

3. Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Đình S, sinh năm 1956, địa chỉ: thôn 04, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Đặng S, sinh năm 1950, địa chỉ: thôn 04, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Đều có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Năm 1969, bà kết hôn với ông Trương Đình S, sau đó về sống chung với gia đình ông S. Đến khoảng năm 1980, ông Trương U (cha ông S) có cho vợ chồng bà một số diện tích đất để tạo lập chỗ ở riêng. Ngày 25/5/1995, hộ gia đình bà do ông Trương Đình S kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 7.581m², trong đó có thửa đất thổ cư số 215, tờ bản đồ số 33, diện tích 4.756m². Đến khoảng năm 2000, vợ chồng bà Phan Thị L có hành vi lấn chiếm và trồng cây trên thửa đất 215 khoảng 50m², bà đã làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Tiên Cảnh giải quyết nhưng không thành. Nay, bà khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị L trả lại cho bà diện tích đất lấn chiếm theo đo đạc của Tòa án là 96,2m², đối với tài sản của bà L trên đất tranh chấp đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo nội dung bản tự khai, lời khai có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Phan Thị L trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất bà L đang tranh chấp với bà là của ông Trương U (cha ông Trương U) cho vợ chồng bà sử dụng từ khoảng năm 1979. Đến năm 1995, hộ gia đình bà được Ủy ban nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có thửa đất 279, tờ bản đồ số 33, diện tích 1.385m². Vì đất này vợ chồng bà sử dụng ổn định, hiện nay có tài sản là cây Dó trồng lâu năm trên đất. Vì vậy, bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

Theo nội dung Biên bản ghi lời khai ngày 26/8/2024, người làm chứng ông Ngô Đình S trình bày:

Ông làm tổ trưởng tổ đoàn kết số 01, thôn 04 xã Tiên Cảnh từ năm 2000, khoảng năm 2001 ông Trương Đình S (chồng bà Nguyễn Thị L) có gửi đơn tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Trương U (chồng bà Phan Thị L), sau khi nhận đơn tổ đoàn kết có đến kiểm tra vị trí tranh chấp, thời điểm đó gia đình bà Phan Thị L đã trồng cây Dó trên đất tranh chấp được khoảng 2 năm tuổi, số lượng bao nhiêu cây thì ông không nhớ. Diện tích đất bà L và bà L tranh chấp có nguồn gốc của ông Trương U (cha chồng bà L, bà L) cho hai người con trai ông Trương U và

ông Trương Đình S sử dụng.

Theo nội dung biên bản ghi lời khai ngày 26/8/2024, người làm chứng ông Đặng S trình bày:

Ông làm thôn trưởng thôn 04 xã Tiên Cảnh từ năm 1992 đến năm 2015, ông xác nhận khoảng năm 2001 ông Trương Đình S (chồng bà L) có gửi đơn tranh chấp quyền sử dụng với ông Trương U (chồng bà L), yêu cầu thôn hoà giải, sau khi nhận đơn thôn có tổ chức hoà giải như lời khai của ông Nguyễn Đình S là hoàn toàn đúng, ông cùng với các thành phần ở thôn có đến kiểm tra vị trí tranh chấp, thời điểm đó vợ chồng bà Phan Thị L đã trồng cây Dó trên đất tranh chấp được khoảng 2 năm tuổi. Diện tích đất bà L và bà L tranh chấp có nguồn gốc của ông Trương U (cha chồng bà L, bà L) cho hai người con trai ông Trương U và ông Trương Đình S sử dụng.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về trình tự thủ tục Tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo pháp luật tố tụng, việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 236 Bộ luật dân sự; Điều 166, Điều 101 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc: “*tranh chấp quyền sử dụng đất*” với bị đơn bà Phan Thị L đối với diện tích đất 96,2m² tại thôn 04, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Giao cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L được quyền sở hữu 07 cây Dó trên đất tranh chấp, bà L bồi trả giá trị bằng tiền cho bà Liễu số tiền 4.410.000 đồng (*bốn triệu, bốn trăm mười ngàn đồng y*)

Về án phí và chi phí tố tụng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật Tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L cho rằng bà Phan Thị L đã sử dụng lấn chiếm của bà 96,2 m² đất tại thửa đất 215, tờ bản đồ số 33 tại thôn 04, xã T, đất này hộ gia đình bà đã được Ủy ban nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1995. Bà Nguyễn Thị L gửi đơn đến UBND xã Tiên Cảnh yêu cầu giải quyết nhưng không thành. Bà khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc bà Phan Thị L trả lại cho bà diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế là 96,2m².

Đây là vụ án: “*tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại thôn 04, xã T, huyện T, tỉnh Quảng

Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam theo Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Năm 1995, hộ gia đình bà được Ủy ban nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 215, tờ bản đồ số 33, diện tích 4.756m², năm 2001 gia đình bà Phan Thị L có hành vi lấn chiếm một phần diện tích đất tại thửa đất này, bà đã làm đơn đề nghị Ban nhân dân thôn hoà giải nhưng không thành. Từ đó đến nay, bà Phan Thị L tiếp tục lấn chiếm, trồng cây Dó, sử dụng của bà khoảng 50m². Khi làm đơn khởi kiện, bà chỉ ước tính diện tích đất bà L lấn chiếm. Tuy nhiên, khi Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ thì có sự thay đổi về diện tích. Tại phiên tòa, bà yêu cầu bà L trả lại cho bà diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế là 96,2m².

Tại phiên tòa, bị đơn bà Phan Thị L không đồng ý trả lại diện tích đất theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L vì bà L cho rằng: Năm 1995, hộ gia đình bà do ông Trương U kê khai và được UBND huyện Tiên Phước cấp giấy chứng nhận thửa đất thổ cư số 279, tờ bản đồ số 33, diện tích 4.756m², nguồn gốc đất do cha ông Trương U cho vợ chồng bà từ năm 1980. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà sử dụng ổn định, bà L không có tranh chấp, hiện nay trên đất có tài sản của bà, vì vậy bà không đồng ý trả lại diện tích đất 96,2m² cho bà Nguyễn Thị L.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện: Tổng diện tích đất tranh chấp là: 96,2m², trên đất có 07 (bảy) cây Dó, đường kính cây nhỏ nhất 15cm, cây lớn nhất 40cm, bà L thừa nhận đây là tài sản thuộc sở hữu của bà Phan Thị L trồng khoảng năm 2001.

Sau khi xem xét, thẩm định tại chỗ, Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước có Công văn đề nghị cơ quan đo đạc lồng ghép kết quả đo đạc thực tế các thửa đất 125, 279, tờ bản đồ số 33 vào hồ sơ địa chính, đồng thời xác định diện tích đất tranh chấp 96,2m² nằm ở thửa đất nào nhưng cơ quan đo đạc trả lời không thể thực hiện được việc lồng ghép, đồng thời không xác định được 96,2m² đất tranh chấp nằm trong thửa đất nào.

[2.2]. Xét về nguồn gốc đất: Thửa đất thổ cư số 215, 279, tờ bản đồ số 33 hiện bà L, bà L đang sử dụng và 96,2m² đất tranh chấp các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc của ông Trương U (cha ông Trương U, ông Trương Đình S) cho vợ chồng bà L, bà L sử dụng từ năm 1980. Sau khi ông S, ông Ú chết thì bà L (vợ ông S) và bà L (vợ ông Ú) tiếp tục sử dụng diện tích này cho đến nay. Lời khai của các đương sự về nguồn gốc đất phù hợp với nội dung trả lời về nguồn gốc đất tại Công văn số: 75/UBND-TH, ngày 23/8/2024 của Ủy ban nhân dân xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam. Phù hợp với lời khai của những người làm chứng ông Đặng S, ông Nguyễn Đình S.

[2.3]. Xét quá trình quản lý sử dụng 96,2m² đất tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của bà Nguyễn Thị L và các tài liệu chứng cứ do bà L cung cấp thể hiện, năm 1969 bà L kết hôn với ông Trương Đình S, sau đó về sống chung cùng với gia đình

ông Trương U, đến năm 1980 ông U cho vợ chồng bà L một số diện tích đất để làm nhà ra ở riêng. Tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 21/4/1995 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/5/1995 do UBND huyện Tiên Phước cấp thì hộ ông S được cấp 4.756m² đất thổ cư tại thửa số 215, tờ bản đồ số 33, từ khi sử dụng đất đến khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có ai tranh chấp. Năm 2001, khi thấy vợ chồng bà L có hành vi lấn chiếm đất chồng bà L có gửi đơn khiếu nại yêu cầu giải quyết, tại hồ sơ vụ án thể hiện ngày 14/6/2001 tổ đoàn kết số 4 và Ban nhân dân thôn 04, xã Tiên Cảnh có xác nhận đơn khiếu nại của ông S và chuyển đề nghị UBND xã giải quyết tranh chấp đất đai. Tại thời điểm tranh chấp năm 2001 vợ chồng bà L đã trồng Dó khoảng 2 năm tuổi, nội dung này được ông Đặng S và ông Ngô Đình S xác nhận. Điều này chứng tỏ gia đình bà Nguyễn Thị L đã sử dụng diện tích đất 96,2m² ổn định từ năm 1980 đến năm 2001.

Bị đơn bà Phan Thị L cho rằng gia đình bà đã sử dụng đất và trồng Dó từ năm 1980, sau đó bà có khai thác bán, 07 cây Dó trên đất bà L tranh chấp là số Dó còn lại bà trồng năm 1980, bà cho rằng vợ chồng bà đã sử dụng ổn định từ năm 1980 đến nay nhưng bà không đưa ra chứng cứ để chứng minh. Trong khi năm 2001 ông S đã gửi đơn khiếu nại yêu cầu giải quyết tranh chấp đất. Đến năm 2007 chồng bà L tiếp tục làm đơn khiếu nại con trai bà L về hành vi lấn chiếm quyền sử dụng đất để trồng cây trên đất của vợ chồng bà L, thì không thể nói bà L đã sử dụng đất tranh chấp ổn định từ năm 1980 đến nay.

[2.4]. Về hiện trạng sử dụng đất: kết quả đo đạc cho thấy thửa đất 215, tờ bản đồ số 33 hộ bà L được cấp giấy chứng nhận diện tích 4.756m² nay đo đạc lại hiện trạng sử dụng đất là 3.847,8m² (giảm 908m²); thửa đất số 279, tờ bản đồ số 33 hộ bà L được cấp giấy chứng nhận diện tích 1.385m² nay đo đạc hiện trạng sử dụng đất là 1.889,3m (tăng 504,3m²); theo Công văn trả lời của UBND xã Tiên Cảnh và UBND huyện Tiên Phước thì nguyên nhân tăng, giảm diện tích đất tại hai thửa đất nêu trên do thiết bị đo đạc và có thể do các bên sử dụng coi nói thêm diện tích. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các bên đương sự đều thống nhất với kết quả đo đạc theo hiện trạng sử dụng đất hiện nay, các bên xác nhận không ai tranh chấp gì về ranh giới đối với diện tích mình đang sử dụng. Đồng thời, các bên đều thừa nhận khi ông Trương U cho quyền sử dụng đất hai bên thì ranh giới được ông U dùng cuốc để vạch ranh giới là một đường thẳng. Tại mảnh trích đo ngày 22/3/2024 thì ranh giới thửa đất cũng được xác định hình dạng là một đường thẳng, phù hợp với trích lục bản đồ địa chính do UBND xã Tiên Cảnh cung cấp nhưng nhìn vào vị trí đất tranh chấp 96,2m² (vị trí 1) nằm hoàn toàn trong thửa đất 215, tờ bản đồ số 33 bà Nguyễn Thị L đang sử dụng, hơn nữa diện tích đất của bà Nguyễn Thị L sử dụng hiện nay đang bị giảm đi theo xác định là 908m² thì có cơ sở để khẳng định diện tích đất tranh chấp nằm trong thửa đất bà Lan đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Vì vậy, nguyên đơn bà L khởi kiện yêu cầu bà L trả lại 96,2m² diện tích đất tranh chấp là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5]. Về tài sản trên đất: Nguyên đơn bà L thừa nhận 07 cây Dó có trên diện tích đất tranh chấp là tài sản của bà Phan Thị L trồng khoảng năm 2001, bị đơn bà L thì cho rằng 07 cây Dó này nằm trong số lượng cây Dó bà đã trồng năm 1980.

Để có căn cứ xác định 07 cây Dó được trồng vào thời gian nào thì Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước đã tiến hành làm việc với một số người chuyên mua cây Dó để khai thác trầm trên địa bàn huyện Tiên Phước gồm ông Hoàng Ngọc T và ông Võ Minh T, qua làm việc ông T, ông T xác nhận với đường kính cây Dó như nêu ở trên thì 07 cây Dó này có khả năng được trồng cùng một thời điểm và thời gian trồng khoảng năm 2001 là có cơ sở hơn. Nếu Dó này được trồng vào khoảng năm 1980 thì không thể có đường kính nhỏ như vậy. Lời khai của ông T, ông T phù hợp với lời khai của ông Đặng S và ông Nguyễn Đình S xác định thời điểm bà L có tranh chấp thì cây Dó này được bà L trồng khoảng 2 năm tuổi. Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét thấy lời khai của bị đơn bà Phan Thị L về thời gian bà trồng 07 cây Dó trên đất tranh chấp không có cơ sở nên không chấp nhận. 07 cây Dó có trên diện tích đất tranh chấp có giá trị 4.410.000 đồng, xét thấy để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự, duy trì được giá trị của các cây này đến thời kỳ thu hoạch nên giao toàn bộ 07 cây Dó cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L được quyền sở hữu, bà Lan thôi trả giá trị bằng tiền cho bị đơn bà Phan Thị L là hợp lý. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà L đồng ý nhận 07 cây Dó và thôi trả giá trị bằng tiền cho bà Phan Thị L.

[2.6]. Về án phí: Bị đơn bà Phan Thị L là người cao tuổi, nhưng không làm đơn xin miễn tiền án phí nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[2.7]. Về chi phí tố tụng: Việc thẩm định và định giá được thực hiện theo yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bà đã nộp tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá số tiền là: 8.376.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Phan Thị L phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá. Bà Phan Thị L phải trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 8.376.000 đồng (*tám triệu, ba trăm bảy mươi sáu ngàn đồng*)

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 101, Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” với bị đơn bà Phan Thị L. Buộc bà Phan Thị L phải trả lại cho bà Nguyễn Thị L diện tích đất 96,2m², tại thửa đất số 215, tờ bản đồ số 33, tại thôn 04, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Đất có vị trí tứ cận như sau: phía Đông giáp đất của bà Phan Thị L; phía tây giáp đất bà Nguyễn Thị L; phía nam giáp đất ruộng của bà Nguyễn Thị L; phía bắc giáp đất của bà Nguyễn Thị L; (*có sơ đồ, bản vẽ kèm theo*).

Giao cho bà Nguyễn Thị L được quyền sở hữu 07 (bảy) cây Dó (đường kính cây nhỏ nhất 15cm, cây lớn nhất 40cm) nằm trên diện tích đất tranh chấp 96,2m². Bà Nguyễn Thị L hoàn trả giá trị bằng tiền cho bà Phan Thị L 4.410.000 đồng (*Bốn triệu, bốn trăm mười ngàn đồng*)

Về án phí: Bà Phan Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng y*)

Về chi phí tố tụng và định giá: Buộc bà Phan Thị L phải trả lại cho bà Nguyễn Thị L chi phí thẩm định, định giá tài sản là: 8.376.000 đồng (*tám triệu, ba trăm bảy mươi sáu ngàn đồng y*)

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử lại trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiên Phước;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- CCTHADS huyện Tiên Phước;
- Lưu hồ sơ + án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Trà Thị Thanh Thắm**

